

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04-6-2025

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thuý Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Châu Thanh Nguyên;
- Bà Cao Thị Phương Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:
Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số 73/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Ông Phan Văn B, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, (có mặt).

Bị đơn: Bà Mã Thị H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn ông Phan Văn B trình bày: Ông Phan Văn B và bà Mã Thị H do mai mối và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống chung với nhau có hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây bà H tham gia cờ bạc và vợ chồng mâu thuẫn nên bà H bỏ nhà đi cho đến nay. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nên ông Phan Văn B yêu cầu được ly hôn với bà Mã Thị H. Về con chung: Phan Thị Châu A, sinh ngày 22/6/1998 và Phan Hữu N, sinh ngày 20/5/2000. Hiện cháu A

và cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu toà án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Mã Thị H đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng bị đơn vắng mặt, không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành được việc mở phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định.

Quá trình tố tụng vào ngày 07/5/2025 Tòa án đã xác minh tại Công an xã L, huyện T, tỉnh An Giang về tình trạng cư trú của bà Mã Thị H. Kết quả xác minh thể hiện: *“Bà Mã Thị H, sinh năm 1980; có thường trú tại: Tổ A, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang”*.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Mã Thị H đã được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Mã Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ A, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Giữa ông Phan Văn B và bà Mã Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại biên bản xác minh ngày 07/5/2025 Ủy ban nhân dân xã L và biên bản xác minh ngày 02/6/2025 Ủy ban nhân dân thị trấn B, cung cấp thông tin: *“Qua tra cứu tàng thư sổ lưu hộ tịch không tìm thấy hồ sơ kết hôn của ông Phan Văn B và bà Mã Thị H”*. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì *“Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với*

nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”. Trường hợp hôn nhân của ông Phan Văn B và bà Mã Thị H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn nên không được công nhận là quan hệ vợ chồng. Ngoài ra, bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Trong đó, có thông báo về các phiên hòa giải nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án tham dự. Từ đó, cho thấy bị đơn không có thiện chí trong việc hoà giải đoàn tụ. Nên việc hàn gắn tình cảm cùng nhau xây dựng gia đình là không thể thực hiện được. Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của Phan Văn B và bà Mã Thị H theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Phan Thị Châu Â, sinh ngày 22/6/1998 và Phan Hữu N, sinh ngày 20/5/2000 đã trưởng thành và lao động được, không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Phan Văn B khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Mã Thị H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình 2014. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Phan Văn B. Tuyên bố không công nhận ông Phan Văn B và bà Mã Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Phan Thị Châu Â, sinh ngày 22/6/1998 và Phan Hữu N, sinh ngày 20/5/2000 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Ông Phan Văn B phải chịu 300.000đ tiền án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0020057 ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, ông Phan Văn B đã nộp đủ án phí, bà Mã Thị H không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh AG;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Thúy Liễu